

Bản án số: **159/2025/HS-PT**

Ngày: 15 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Nhung;

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 159/2025/TLPT-HS ngày 02/6/2025 đối với bị cáo Võ Thái B và 08 bị cáo khác, về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2025/HS-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk).

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lò Xuân Q (tên gọi khác: T) - Sinh ngày 01/01/2003, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H và bà Hoàng Yến Đ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Thái B - Sinh ngày 24/9/2004, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn S và bà Hoàng Thị Lệ H1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Trần Minh H2 - Sinh ngày 20/8/2005, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T và bà Hoàng Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Lò Nhật Quốc H6 (tên gọi khác: B) - Sinh ngày 10/02/2006, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Thợ xăm; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Xuân H3 và bà Mộng Thúy M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Lò Quốc Đ1 (tên gọi khác: N) - Sinh ngày 06/02/2004, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn P và bà Hoàng Thị X; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Cà Tuấn S1 - Sinh ngày 17/4/2005, tại tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cà Văn H4 và bà Lò Thị B1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Cà Tuấn N1 - Sinh ngày 13/10/2003, tại tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cà Văn H4 và bà Lò Thị B1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Cà Thái N2 - Sinh ngày 25/10/2005, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cà Văn D và con bà Hoàng Thị U; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

9. Màng Tấn Q1 - Sinh ngày 02/12/2003, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Màng Chính M1 và bà Lò Thị Thái H5; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn D1 - Sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/02/2024, anh Nguyễn Văn D1 có vay mượn của anh Lò Quốc T1 số tiền 1.000.000 đồng và giao cho anh T1 01 điện thoại di động để làm tin. Sau đó, anh T1 chuyển số tiền anh D1 vay mượn qua cho Đỗ Trung K. Ngày 20/02/2024, anh D1 trả cho K số tiền 500.000 đồng, K trả lại điện thoại di động cho anh D1 và anh D1 đưa Giấy đăng ký xe mô tô biển số 47B1 - 511.55 (bản gốc) cho K giữ làm tin, số tiền D1 còn nợ lại là 500.000 đồng.

Đến khoảng 21 giờ ngày 21/02/2024, K và anh D1 nhắn tin qua lại, hẹn gặp nhau tại trước công trường A, thuộc thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk) để nói chuyện về việc vay mượn tiền trên. Sau đó, K rủ Cà Tuấn S1 đi cùng để gặp anh D1 thì S1 đồng ý và nói D1 đi qua nhà Võ Thái B để đón S1. Khi K đến nhà B thì gặp Lò Xuân Q, Cà Tuấn N1 và Cà Tuấn S1. Sau đó, K điều khiển xe mô tô chở Q, còn N1 điều khiển xe mô tô chở S1 đi đến công trường A như đã hẹn thì gặp anh D1, anh Huỳnh Văn T2 và anh Đặng Lê Chí T3. Lúc này, K dừng xe mô tô lại và hỏi anh D1: *“mày tính sao?”* thì D1 trả lời: *“tiền tao mượn có để lại đồ làm tin, làm gì mà đòi tới đòi lui”*, K nói *“mày xạo chó”*. Bực tức vì bị K chửi nên anh D1 nhặt 01 cây gậy bằng gỗ, dài khoảng 01m và đánh về phía K thì anh T2 vào can ngăn. Lúc này, Q đi đến nói anh D1: *“sao kêu em tao lên nói chuyện mà đánh em tao?”*, giữa anh D1 và Q cãi nhau qua lại thì anh D1 dùng tay đánh 01 cái trúng vào mặt Q, thấy vậy, anh T2 và anh T3 vào can ngăn rồi hai bên đi về.

Sau khi về nhà, K gọi điện thoại cho anh D1 hỏi: *“Nhà mày ở đâu để tao lên?”* thì anh D1 nói: *“Gần chỗ trường cách khoảng 10 nhà lên đi”*. Lúc này, Q đứng gần nghe K nói thì Q nhắn tin cho Võ Thái B nói về việc đi đòi nợ nhưng không đòi được còn bị đánh và nói B rủ thêm người để đánh lại, thì B đồng ý và B đã rủ Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, L Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1 đi đánh nhau thì tất cả đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô chở N2, H2 chở H6 và Q1 chở Đ1 cùng đi đến công trường A. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của K đi xe mô tô đến trước nhà anh D1, địa chỉ: Số A, thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì thấy anh D1, anh T2 và anh T3 đang ngồi ở ghế đá trước nhà. Lúc này, chị Đinh Thị S2 đang điều khiển xe mô tô chở anh Lê Song T4 thì gặp K điều khiển xe mô tô chở Q theo hướng ngược chiều lại, anh T4 xuống xe, dùng tay túm cổ áo K nói *“mày thích chết không?”*, thấy vậy, Q xuống xe nhặt 01 cục đá kích thước khoảng (07 x 07) cm ở lề đường. Lúc này, anh D1 thấy Q đang cầm cục đá định đánh anh T4 nên anh D1 chạy đến, dùng chân đạp trúng Q, thì Q dùng cục đá đang cầm trên tay đánh 01 cái trúng vào vùng đầu của anh D1 gây thương tích. Sau đó, B, N2, H2, Đ1, H6, S1, N1 và Q1 cùng nhau xông vào dùng tay, chân đánh anh D1, rồi ôm giữ tay anh D1 thì anh D1 vùng bỏ chạy và bị mất đà nên lao đầu va vào tấm vách chắn có khung làm bằng kim loại và tôn gây thương tích. Lúc này cả nhóm tiếp tục kéo anh D1 ra lề đường và dùng tay, chân đánh vào người anh D1, Q nhặt 01 cục đá kích thước (07 x 07) cm, ném trúng vào vùng lưng anh D1 rồi dùng tay ôm anh D1 lại, B dùng tay siết cổ anh D1, còn K, Đ1, N2, H6 và Q1 xông vào dùng tay, chân đánh liên tục vào vùng mặt của anh D1. Thấy vậy, chị Đinh Thị S2 chạy vào can ngăn thì nhóm của K thả anh D1 ra, còn Q nhặt tiếp 01 viên gạch kích thước

(10 x 25) cm và N2 nhật 01 cục đá kích thước (07 x 07) cm dưới nền đường lên để ném anh D1 nhưng không ném được. Sau đó, cả nhóm của K bỏ đi còn anh D1 được gia đình đưa đi cấp cứu.

*/ Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 208/KLTTCT-PY ngày 22/02/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ, đã kết luận tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn D1 như sau:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là **10%**.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của anh Nguyễn Văn D1: Vết thương đã khâu đang cố định bằng gạc cuốn, giữa đỉnh đầu, kích thước (2x0,1)cm, tỷ lệ 1%; Vết thương đã khâu đang cố định bằng gạc cuốn, đỉnh đầu phía sau bên phải, kích thước (1x0,1)cm, tỷ lệ 1%; Gãy xương mũi, tỷ lệ 8%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể từng nhóm thương tích cùng vật tác động gây ra: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do vật tày, cứng có cạnh gây ra là 2%; Tỷ lệ tổn thương cơ thể do vật tày, cứng gây ra là 8%.

- Vật tác động: Vật tày, cứng có cạnh và vật tày, cứng.

- Các thương tích: Bầm tím vùng đỉnh - thái dương phải, kích thước (7x7)cm; Bầm tím trầy xước nông vùng đỉnh - thái dương trái - vành tai trái, kích thước (8x7)cm; Bầm tím, sưng nề sống mũi; Bầm tím vùng cổ sau, ngay C5-C6, kích thước (3 x 2)cm (không có trong hồ sơ bệnh án); Xây xát nông mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái, kích thước (6x5,5)cm (không có trong hồ sơ bệnh án).

Hiện tại chưa có đủ cơ sở để đánh giá tỷ lệ tổn thương cơ thể. Đề nghị giám định bổ sung khi bệnh nhân đã điều trị ổn định hay khi có phát sinh tình tiết mới.

*/ Tại bản Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số: 499/KLTTCT-PY, ngày 25/6/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ, đã kết luận đối với anh Nguyễn Văn D1 như sau:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn D1 tại thời điểm giám định là **12%**.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Nguyễn Văn D1: Vết thương đã khâu đang cố định bằng gạc cuốn giữa đỉnh đầu, kích thước (02x0,1) cm, có tỷ lệ là 1%; Vết thương đã khâu đang cố định bằng gạc cuốn, đỉnh đầu phía sau bên phải, kích thước (01x0,1) cm, có tỷ lệ là 1%; Gãy xương mũi, tỷ lệ 8%; Xây xát để lại sẹo mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái, kích thước (4x2)cm, tỷ lệ 2%. Bầm tím đỉnh - thái dương phải, bầm tím ngay cổ sau, bầm tím trầy xước nông đỉnh - thái dương trái - vành tai trái, bầm tím sống mũi tại thời điểm giám định không để lại sẹo và không làm biến đổi sắc tố da, tỷ lệ: 0%.

- Vật tác động: Vật tày, cứng có cạnh; vật tày, cứng và vật tày diện rộng có bề mặt không bằng phẳng.

Về dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo đã bồi thường các khoản về chi phí điều trị thương tích, bù đắp tổn thất về tinh thần và các chi phí khác cho anh Nguyễn

Văn D1 tổng số tiền là 87.000.000 đồng. Anh D1 đã có đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự các bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trong vụ án này, đối với đối tượng Đỗ Trung K: Quá trình điều tra đã bỏ trốn khỏi địa phương nơi cư trú; ngày 28/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã số 746/QĐTN-HS đối với Đỗ Trung K, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2025/HS-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk) đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lò Xuân Q, Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Xuân Q 02 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1, mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 và ngày 07/5/2025, các bị cáo Lò Xuân Q, Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1 có đơn kháng cáo, với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều giữ nguyên nội dung kháng cáo và đều đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lò Xuân Q, Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1, về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Tuy nhiên các bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với từng bị cáo trong vụ án là có phần nặng so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

- Áp dụng khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Xuân Q 02 năm tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1, mỗi bị cáo 01 năm 09 tháng tù.

Các bị cáo Lò Xuân Q, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Lò Quốc Đ1, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1 đều không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì; các bị cáo nói lời sau cùng đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với các bị cáo Võ Thái B, Trần Minh H2 và Cà Thái N2 có kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin hoãn phiên tòa, tuy nhiên sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo Lò Xuân Q, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Lò Quốc Đ1, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1 tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 21/02/2024, trước số nhà A, thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk), các bị cáo Lò Xuân Q, Võ Thái B, Trần Minh H2, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6, Màng Tấn Q1 và đối tượng Đỗ Trung K đã có hành vi dùng tay, chân và đá đánh anh Nguyễn Văn D1, hậu quả gây thương tích cho anh D1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Xuất phát từ việc cãi nhau và bị anh D1 dùng tay đánh vào người, tuy đã được can ngăn và anh Nguyễn Văn D1 đã đi về nhà, nhưng bị cáo Lò Xuân Q vẫn bức tức và đã rủ rê bị cáo Võ Thái B đi đánh anh D1. Đối với các bị cáo Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1 đều không có mâu thuẫn gì với anh D1 nhưng đều đã tham gia đánh anh D1, nên đã đồng phạm với nhau; các bị cáo đã dùng tay, chân và đá có kích thước khoảng (07 x 07) cm, là loại hung khí nguy hiểm đánh anh Nguyễn Văn D1 gây thương tích. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lò Xuân Q, Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1 về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” theo các điểm a, i khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội.

[3] Đối với kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của xã hội. Trong vụ án này, bị cáo Lò Xuân Q là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Võ Thái

B và sau đó các bị cáo khác cùng tham gia phạm tội. Các bị cáo đều phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng là “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ”; hành vi của các bị cáo khi thể hiện sự coi thường pháp luật, các bị cáo (ngoài ra còn có Đỗ Trung K) đều tham gia với vai trò tích cực, dùng tay, chân và cục Đ2 để tấn công một mình bị hại, chỉ đến khi có người đến can ngăn thì các bị cáo mới dừng lại. Do đó cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên, xét về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Lò Xuân Q 02 năm 09 tháng tù và mức hình phạt đối với các bị cáo Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1, mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng tù, là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; đồng thời các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ là đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được bị hại bãi nại, các bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo tiếp tục cung cấp đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự của bị hại Nguyễn Văn D1, ngoài ra bị cáo Lò Quốc Đ1 cung cấp thêm Đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn của ông Lò Văn P, là bố của bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lò Xuân Q, Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2025/HS-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Đắk Lắk) về mức hình phạt đối với các bị cáo.

Tuyên bố: Các bị cáo Lò Xuân Q, Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng T5 Quy phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

2.1. Xử phạt: Bị cáo Lò Xuân Q (tên gọi khác: T6) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.2. Xử phạt: Bị cáo Võ Thái B 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.3. Xử phạt: Bị cáo Cà Tuấn S1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.4. Xử phạt: Bị cáo Cà Tuấn N1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.5. Xử phạt: Bị cáo Trần Minh H2 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.6. Xử phạt: Bị cáo Lò Quốc Đ1 (tên gọi khác: N3) 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.7. Xử phạt: Bị cáo Cà Thái N2 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.8. Xử phạt: Bị cáo Lò Nhật Quốc H6 (tên gọi khác: B2) 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.9. Xử phạt: Bị cáo Màng Tấn Q1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lò Xuân Q, Võ Thái B, Cà Tuấn S1, Cà Tuấn N1, Trần Minh H2, Lò Quốc Đ1, Cà Thái N2, Lò Nhật Quốc H6 và Màng Tấn Q1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa PT TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (Phòng PV 06);
- TAND khu vực 1 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 - Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THA khu vực 1 - Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trương Công Bình